TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-7-2024
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Lam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoài; ông Trần Trung Thành

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Cẩm Vân - Thư ký TAND tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh: Ông Nguyễn Văn Q - Kiểm sát viên.

Ngày 26/7/2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2024/TLST-HNGĐ ngày 28/5/2024 về "Tranh chấp Hôn nhân gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh ngày 02/02/1997. Địa chỉ: thôn S, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. (Có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến T, sinh ngày 20/9/1981. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: S, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Hàn Quốc. (Có ý kiến xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị G *trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Tiến T có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 04/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh trên tinh thần tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, không ai bị ép buộc hay lừa dối. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2019 anh T đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Do cuộc sống xa cách nên có nhiều mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn. Đến nay, tình cảm vợ chồng đã không còn, sống ly thân và không có tiếng nói chung nên chị Nguyễn Thị G đề nghị Tòa án tỉnh Hà Tĩnh giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tiến T.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 02 con chung, tên là Nguyễn Thị Phương T1, sinh ngày 05/01/2018 và cháu Nguyễn Tiến K, sinh ngày 04/12/2019. Hiện nay cả 02 cháu đang sống với mẹ, nguyện vọng của chị

G là muốn được trực tiếp chăm sóc các con và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 01 triệu đồng/ con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết

Chị Nguyễn Thị G đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án vì lý do bận công việc.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã K *và xác minh qua gia đình anh* Nguyễn Tiến H *(anh trai anh* Nguyễn Tiến T*). Thông qua cuộc gọi video có hình ảnh với tài khoản Facebook của anh* T *là "Thảo Khôi", bị đơn* Nguyễn Tiến T *trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: anh T thống nhất về nội dung trình bày trong đơn khởi kiện của chị G về việc kết hôn, quá trình chung sống và phát sinh mâu thuẫn. Năm 2019, anh đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, do cuộc sống xa cách nên vợ chồng có ít nhiều mâu thuẫn, không tin tưởng nhau. Anh Nguyễn Tiến T cho rằng, vợ chồng không có mẫu thuẫn gì trầm trọng, nên việc chị Nguyễn Thị G có đơn khởi kiện ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 02 con chung, tên là Nguyễn Thị Phương T1, sinh ngày 05/01/2018 và cháu Nguyễn Tiến K, sinh ngày 04/12/2019. Hiện nay cả 02 cháu đang sống với mẹ, nguyện vọng của anh T là muốn được trực tiếp chăm sóc các con và không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, anh Nguyễn Tiến T hiện đang lao động ở nước ngoài nên đề nghị giao 02 con chung cho chị G trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng)

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết

Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện anh Nguyễn Tiến T đang sống và làm việc tự do tại Hàn Quốc, anh không thể về Việt Nam giải quyết ly hôn nên xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Đồng thời anh ủy quyền cho anh trai là anh Nguyễn Tiến H, địa chỉ: S, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh thay anh thực hiện việc giao nhận các tài liệu, văn bản tố tụng với Tòa án. Quá trình làm việc, anh H đồng ý chấp nhận việc ủy quyền giao nhận tại liệu, văn bản của anh T, cam kết sẽ thông báo lại kịp thời nội dung các tài liệu, văn bản tố tụng của Tòa án để anh được biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau và đề nghị Tòa án áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 123, 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; đoạn 2 điểm b tiểu mục 2.1, mục 2 phần II Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao; Nghị quyết số 01/2004/NQ-HĐTP ngày 16/5/2004 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 39; Điều 143, khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS năm 2015; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV, cụ thể:

- Về tình cảm: chị Nguyễn Thị G được ly hôn với anh Nguyễn Tiến T.

- Về con chung: Giao 02 con chung, tên là Nguyễn Thị Phương T1, sinh ngày 05/01/2018 và cháu Nguyễn Tiến K, sinh ngày 04/12/2019 cho chị Nguyễn Thị G được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ tròn 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của anh Nguyễn Tiến T mỗi tháng 5.000.000đ/02 con (Năm triệu đồng). Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cấm, cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định. Anh Nguyễn Tiến T phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự và đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. ***Về tố tụng:***

[1.1]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Tiến T có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 04/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh trên tinh thần tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, không ai bị ép buộc hay lừa dối. Nay do vợ chồng sống ly thân đã lâu, có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn nên chị G khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tiến T. Tại công văn trao đổi cung cấp thông tin số 552/PA08-Đ1 ngày 12/6/2024 của Phòng PA08 Công an tỉnh H, xác nhận: anh Nguyễn Tiến T, sinh ngày 20/9/1981; số hộ chiếu: C5167125; đã xuất cảnh chuyến cuối cùng vào ngày 25/11/2019 qua Sân bay quốc tế N, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Căn cứ các Điều 28, 37, 39 Bộ luật tố tụng dân sự nội dung khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.2]. *Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị G hiện đang sinh sống tại thôn S, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Bị đơn anh Nguyễn Tiến T hiện đang sinh sống và làm việc tự do tại Hàn Quốc, nên anh xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a tiểu mục 2.1 mục 2 phần II Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh Nguyễn Tiến T theo thủ tục chung.

[2]. ***Về nội dung:***

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Tiến T có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 04/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh trên tinh thần tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, không ai bị ép buộc hay lừa dối. Căn cứ quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Đến năm 2019, anh T đi xuất khẩu lao động ở Hàn Quốc và vợ chồng sống ly thân từ đó. Nay nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, tình trạng hôn nhân không thể dung hòa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Tiến T.

Anh Nguyễn Tiến T thống nhất với quan điểm của chị G về nội dung về thời gian kết hôn, tuy nhiên anh T cho rằng vợ chồng không mâu thuẫn nên anh không đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị G và anh T là có xảy ra trên thực tế và đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài, không còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị G khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh T là có căn cứ và phù hợp. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị G, xử cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tiến T.

[2.2] *Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 02 con chung, tên là Nguyễn Thị Phương T1, sinh ngày 05/01/2018 và cháu Nguyễn Tiến K, sinh ngày 04/12/2019. Hiện nay cả 02 cháu đang sống với mẹ, nguyện vọng của cả chị G và anh T đều muốn được trực tiếp chăm sóc các con. Tuy nhiên anh Nguyễn Tiến T hiện đang lao động ở nước ngoài, nên anh đề nghị giao 02 con chung cho chị G trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Tiến T tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng)

Xét 02 cháu Nguyễn Thị Phương T1 và Nguyễn Tiến K còn nhỏ, hiện nay đang được sự chăm sóc nuôi dưỡng của mẹ là chị Nguyễn Thị G. Anh Nguyễn Tiến T đang ở nước ngoài nên không có điều kiện để chăm sóc các con chu đáo. Vì vậy, giao 02 con cho chị Nguyễn Thị G được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ tròn 18 tuổi.

Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của anh Nguyễn Tiến T mỗi tháng 5.000.000đ/02 con (Năm triệu đồng).

[2.3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

[3]. ***Về án phí và quyền kháng cáo:*** Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273, 464, 469, 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 123, 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; đoạn 2 điểm b tiểu mục 2.1, mục 2 phần II Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao; Nghị quyết số 01/2004/NQ-HĐTP ngày 16/5/2004 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 39; Điều 143, khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS năm 2015; điểm a khoản 5, điểm b

khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV, cụ thể;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị G, xử cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tiến T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung, tên là Nguyễn Thị Phương T1, sinh ngày 05/01/2018 và cháu Nguyễn Tiến K, sinh ngày 04/12/2019 cho chị Nguyễn Thị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ tròn 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của anh Nguyễn Tiến T mỗi tháng 5.000.000đ/02 con (Năm triệu đồng). Anh Nguyễn Tiến T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cấm, cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T2 phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm (được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000890 ngày 28/5/ 2024 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

Anh Nguyễn Tiến T phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Kỳ Khang;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Lam